



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN VẬT LÝ 9 – TUẦN 9

Đọc kĩ câu hỏi và lựa chọn đáp án đúng nhất trong 4 đáp án A, B, C, D

Câu 1: Khi dịch chuyển con chạy của biến trở thì đại lượng nào sẽ thay đổi?

- A. Tiết diện dây dẫn của biến trở.
- B. Điện trở suất của chất làm dây dẫn của biến trở.
- C. Chiều dài dây dẫn của biến trở có dòng điện chạy qua.
- D. Nhiệt độ của biến trở.

Câu 2: Trước khi mắc biến trở vào mạch điện để điều chỉnh cường độ dòng điện thì cần điều chỉnh điện trở của biến trở có giá trị nào?

- A. Có giá trị lớn nhất.
- B. Có giá trị bằng 0Ω .
- C. Có giá trị bằng một nửa giá trị lớn nhất.
- D. Có giá trị bất kỳ

Câu 3: Kí hiệu của cường độ dòng điện?

- A. U
- B. V
- C. I
- D. A

Câu 4: Ampe kế được mắc như thế nào trong mạch điện?

- A. Mắc song song với dụng cụ điện, cực (+) của ampe quay về phía cực (+) nguồn điện.
- B. Mắc nối tiếp với dụng cụ điện, cực (+) của ampe quay về phía cực (+) của nguồn.
- C. Mắc song song với dụng cụ điện và nối với cực (+) của ampe với cực (-) của nguồn.
- D. Mắc nối tiếp với dụng cụ điện và nối với cực (-) của ampe với cực (+) của nguồn.

Câu 5: Hiệu điện thế được kí hiệu là chữ....

- A. U
- B. V
- C. I
- D. A

Câu 6: Khi đặt vào dây dẫn một hiệu điện thế 1,5V thì cường độ dòng điện chạy qua nó là 0,3A. nếu hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn đó tăng lên đến 4,5 V thì cường độ chạy qua nó là bao nhiêu?

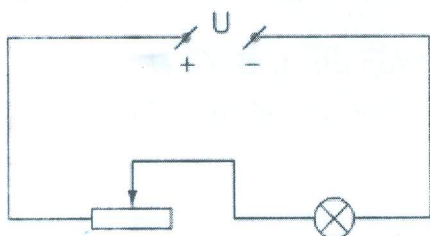
- A. 0,6A
- B. 0,9A
- C. 1,2A
- D. 1,6A

Câu 7: Khi đặt vào dây dẫn một hiệu điện thế 6 V thì cường độ dòng điện chạy qua nó là 1,2 A. nếu cường độ chạy qua nó tăng lên đến 3,6 A thì hiệu điện thế đặt vào hai đầu dây dẫn là bao nhiêu?

- A. 9V
- B. 12V
- C. 15V
- D. 18V



Câu 8: Một bóng đèn khi sáng bình thường có điện trở $R_1 = 7,5\Omega$ và cường độ dòng điện chạy qua đèn khi đó là $I = 0,6A$. Bóng đèn này được mắc nối tiếp với một biến trở và chúng được mắc vào hiệu điện thế $U = 12V$ như sơ đồ:



Phải điều chỉnh biến trở có trị số điện trở R_b là bao nhiêu để bóng đèn sáng bình thường?

- A. $R_b = 12,5\Omega$ B. $R_b = 13,5\Omega$ C. $R_b = 12\Omega$ D. $R_b = 13\Omega$

Câu 9: Công thức nào không phải là công thức tính công suất tiêu thụ điện năng?

- A. $P = UI$. B. $P = \frac{U}{I}$. C. $P = \frac{U^2}{R}$. D. $P = I^2 R$.

Câu 10: Trên nhiều dụng cụ điện gia đình thường có ghi 220V và số oát. Số oát này có ý nghĩa là:

- A. Công suất tiêu thụ điện của dụng cụ khi nó được sử dụng với hiệu điện thế nhỏ hơn 220V.
 B. Công suất tiêu thụ điện của dụng cụ khi nó được sử dụng với đúng hiệu điện thế 220V.
 C. Công dòng điện thực hiện trong 1 phút khi dụng cụ được sử dụng đúng hiệu điện thế 220V.
 D. Điện năng mà dụng cụ tiêu thụ trong 1 giờ khi nó được sử dụng với đúng hiệu điện thế 220V

-----HẾT-----

Chú ý: Học sinh làm bài trên link Azota GVBM gửi chậm nhất ngày 6/11/2021

ĐÁP ÁN

1. C	2. A	3. C	4. B	5. A	6. B	7. D	8. A	9. B	10. B





PHIẾU BÀI TẬP MÔN SINH LỚP 9 – TUẦN 9

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Trường hợp cá thể cái thuộc giới dị giao tử, cá thể đực thuộc giới đồng giao tử xuất hiện ở

- A. vượn. B. bướm tằm. C. ruồi giấm. D. mèo.

Câu 2: Cơ sở tế bào học của sự di truyền giới tính là

- A. sự phân li và tổ hợp cặp NST giới tính trong quá trình giảm phân và thụ tinh.
B. sự phân li cặp NST giới tính trong quá trình giảm phân.
C. sự tổ hợp cặp NST giới tính trong quá trình thụ tinh.
D. sự phân li và tổ hợp cặp NST giới tính trong quá trình nguyên phân và thụ tinh.

Câu 3: Di truyền liên kết là

- A. hiện tượng nhóm tính trạng được di truyền cùng nhau, được quy định bởi các gen trên một NST cùng phân li trong quá trình phân bào.
B. hiện tượng nhóm gen được di truyền cùng nhau, quy định một tính trạng.
C. hiện tượng nhiều gen không alen cùng nằm trên 1 NST.
D. hiện tượng nhóm tính trạng được di truyền cùng nhau, được quy định bởi các gen trên các cặp NST tương đồng khác nhau.

Câu 4: Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng di truyền liên kết?

- A. Các gen có ái lực lớn sẽ liên kết với nhau.
B. Số lượng NST nhỏ hơn rất nhiều so với số lượng gen.
C. Chỉ có một cặp NST giới tính.
D. Số lượng NST khác nhau tùy từng loài.

Câu 5: Phép lai nào sau đây cho kết quả phân li kiểu hình 50% quả vàng, nhăn : 50% quả xanh, trơn. Biết A: quả đỏ, a: quả vàng. B: quả trơn, b: quả nhăn.

- A. $AB/ab \times AB/ab$
B. $AB/ab \times ab/ab$
C. $Ab/aB \times Ab/ab$
D. $Ab/aB \times ab/ab$

Câu 6: Phép lai nào sau đây cho kết quả phân li kiểu hình 25% quả vàng, nhăn : 50% quả vàng, trơn : 25% quả xanh, trơn. Biết A: quả đỏ, a: quả vàng. B: quả trơn, b: quả nhăn.

- A. $Ab/aB \times Ab/aB$
B. $Ab/aB \times AB/ab$

C. $Ab/aB \times aB/ab$

D. $Ab/aB \times ab/ab$

Câu 7: Thụ tinh là

A. Sự kết hợp giữa một giao tử đực với một giao tử cái tạo thành hợp tử.

B. Sự kết hợp 2 bộ nhân đơn bội hay tổ hợp 2 bộ NST của 2 giao tử đực và cái tạo thành bộ nhân lưỡng bội ở hợp tử có nguồn gốc từ bố và mẹ.

C. Sự kết hợp của hai bộ nhân lưỡng bội của 2 loài.

D. Cả A và B.

Câu 8: Bộ NST đặc trưng của những loài sinh sản hữu tính qua các thế hệ nhờ

A. Giảm phân và thụ tinh.

B. Nguyên phân và giảm phân.

C. Nguyên phân, giảm phân và thụ tinh.

D. Nguyên phân và giảm phân.

Câu 9: 5 tế bào sinh dục cái sơ khai đều nguyên phân 6 đợt tạo ra các tế bào sinh trứng. Các tế bào này chuyển sang vùng chín nhận của môi trường 5120 NST đơn.

Bộ NST lưỡng bội của loài là

A. 32. B. 64. C. 16. D. 8.

Câu 10: Xét 8 tế bào sinh dục sơ khai ở vùng sinh sản đều nguyên phân liên tiếp 4 đợt. Tất cả các tế bào con đều tham gia giảm phân tạo giao tử. Số thoi vô sắc xuất hiện và bị phá hủy trong quá trình giảm phân các tế bào nói trên

A. 128. B. 384. C. 512. D. 8.

-----HẾT-----

Chú ý: Học sinh làm bài trên link Azota GVBM gửi chậm nhất ngày 6/11/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP MÔN HÓA LỚP 9N – TUẦN 9

Hãy khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Cặp chất nào dưới đây có thể cùng tồn tại trong một dung dịch

- A. NaCl và AgNO_3
- B. KOH và CuCl_2
- C. H_2SO_4 , BaCl_2
- D. NaNO_3 và K_2SO_4

Câu 2. Dung dịch axit clohidric tác dụng với sắt tạo thành:

- A. Sắt (II) clorua và khí hiđrô
- B. Sắt (III) clorua và khí hiđrô
- C. Sắt (II) Sunfua và khí hiđrô
- D. Sắt (II) clorua và nước

Câu 3. Dãy chất nào dưới đây gồm các oxit tác dụng được với dung dịch KOH ?

- A. CO_2 , Na_2O , SO_3
- B. N_2O , BaO , CO_2
- C. N_2O_5 , P_2O_5 , CO_2
- D. CuO , CO_2 , Na_2O

Câu 4 Dùng thuốc thử nào sau đây để phân biệt được 2 chất bột P_2O_5 và CaO

- A. quỳ tím ẩm
- B. Dung dịch HCl
- C. Dung dịch NaCl
- D. CO_2

Câu 5. Cho các chất: MgO , $\text{Mg}(\text{OH})_2$, MgCO_3 và Mg . Chất nào sau đây phản ứng được với cả 4 chất trên?

- A. H_2O
- B. HCl
- C. Na_2O
- D. CO_2

Câu 6 Muốn pha loãng axit sunfuric đặc người ta làm như thế nào?

- A. Rót từ từ nước vào lọ đựng axit
- B. Rót từ từ axit đặc vào lọ đựng nước
- C. Rót nhanh nước vào lọ đựng axit
- D. Rót nhanh axit đặc vào lọ đựng nước

Câu 7 Cho biết hiện tượng của phản ứng sau: Khi cho axit sunfuric đặc vào ống nghiệm đựng một lá đồng nhỏ và đun nóng nhẹ.

- A. Kim loại đồng không tan.
- B. Kim loại đồng tan dần, dung dịch màu xanh lam và có khí không màu thoát ra.

C. Kim loại đồng tan dần, dung dịch không màu có khí màu hắc thoát ra.

D. Kim loại đồng chuyển màu đen, sau đó tan dần, dung dịch có màu xanh lam và khí mùi hắc thoát ra.

Câu 8. Trộn 100 ml dung dịch H_2SO_4 0,1M với 300ml dung dịch NaOH 0,1M. Nhúng quỳ tím vào dung dịch sau phản ứng, hiện tượng quan sát được là:

A. quỳ tím chuyển sang màu xanh

B. quỳ tím chuyển sang màu đỏ

C. quỳ tím bị mất màu

D. quỳ tím không đổi màu

Câu 9. Thể tích khí (đktc) thu được khi cho 5,6 gam Fe tác dụng với dung dịch H_2SO_4 là

A. 4,48 lít

B. 2,24 lít

C. 6,72 lít

D. 8,96 lít

Câu 10. Cho dãy các oxit sau: FeO, CaO, CuO, K_2O , BaO, CaO, Li_2O , Ag_2O . Số chất tác dụng được với H_2O tạo thành dung dịch bazơ?

A. 1

B. 3

C. 4

D. 5

Chú ý: Học sinh làm bài trên link Azota GVBM gửi chậm nhất ngày 6/11/2021